

NGỮ PHÁP MINNA BÀI 20

📖 50 Bài Minna(full) 👁 4,561 Views

Ngữ pháp minna bài 20 – Kỳ nghỉ hè thì anh định thế nào?

Ngữ pháp minna bài 20

Chào các bạn. Chào mừng các bạn đến với Series 50 bài Minna cơ bản. Hôm nay chúng ta sẽ học Minna bài 20.

I. Chia sẻ kinh nghiệm học tiếng Nhật

Ngữ pháp minna bài 20

1.Khó khăn trong việc học minna bài 20

– Bài 20 là 1 bài khó, hại não vì cần nắm chắc kiến thức của các bài trước.

– Ngoài ra việc sử dụng thể thông thường cũng mất nhiều thời gian. Trước mình học cũng thấy mất rất nhiều thời gian mới vượt qua được ải này. Cảm giác trong 25 bài minna của tập 1 thì bài 20 là bài khó nhất.Vượt qua được ngưỡng này cũng không dễ dàng gì.

– Kinh nghiệm là nắm chắc các bài trước, cứ kiên nhẫn học 1 chút một thôi. Không có cách nào khác cả. Trong bài viết này mình sẽ cố gắng viết dễ hiểu nhất có thể để các bạn có thể tham khảo.

II. Hoàn cảnh của bài học- Minna bài 20

minna bài 20

Ngữ pháp minna bài 20

Minna bài 20 này anh Watapon và anh kobayashi nói chuyện với nhau về kỳ nghỉ hè. Nội dung thì không có gì ngoài 19 bài đã học chỉ có điều 2 người dùng thể thông thường để nói chuyện với nhau.

vd:

小林：夏休みは 国へ 帰るの？ Nghỉ hè thì bạn có về nước không?

なつやすみ くに かえ

タワポン：ううん。帰りたいけど、。。。。 Không, cũng muốn về nhưng mà...

かえ

小林君は どう するの？ Bạn thì định thế nào?

こばやしくん

– 夏休みは 国へ 帰るの？ là thể ngắn (thể thông thường)của :夏休みは 国へ 帰りますか。

– ううん。帰りたいけど、。。。。 là thể ngắn của: いいえ、帰りたいですが。。。

– 小林君は どう するの？ là thể ngắn của: 小林君は どう しますか。

Như vậy về nội dung truyền đạt thì không có gì khác. Khác nhau ở cách truyền đạt mà thôi. Cụ thể vì sao lại dùng thể ngắn(thể thông thường) và cách chuyển như thế nào thì cùng vào phần giải thích ngữ pháp nhé.

Ngữ pháp minna bài 20

III. Ngữ pháp minna bài 20

1. Phân biệt thể lịch sự và thể thông thường(thể ngắn)

1.1 Thể lịch sự

a. Định nghĩa thể lịch sự

– Tất cả các bài học từ bài 1- tới bài 19 là thể lịch sự.

– Thể lịch sự sử dụng です、ます。

b. Các trường hợp dùng thể lịch sự

– Vì là thể lịch sự nên chúng ta dùng thể lịch sự trong các tình huống cần lịch sự. Ví dụ:

+ Với người mới quen

+ Người dưới nói chuyện với người trên, ví dụ nói chuyện với sếp, khách hàng.

+ Với những người chưa được cho là không thân thiết, kể cả với người dưới

– Thể lịch sự dùng rất nhiều trong cuộc sống. An toàn thì cứ dùng thể lịch sự.

Ngữ pháp minna bài 20

1.2 Thể thông thường

a. Định nghĩa thể thông thường

– Thể thông thường hay còn gọi là thể ngắn là thể rút gọn của thể lịch sự. Quy tắc rút gọn sẽ nói trong phần tới.

b. Các trường hợp dùng thể thông thường

– Thể thông thường dùng nhiều trong văn viết. Các ghi chép cá nhân như nhật ký, các bài viết luận hoặc báo chí.

– Thể thông thường dùng trong giao tiếp trong trường hợp thân quen. Thân quen rồi nên muốn nói ngắn lại.
vd: thay vì nói

夏休みは どう しますか。Kì nghỉ hè thì bạn định thế nào(định làm gì).

なつやすみ

Thì có thể nói:

夏休み どう するの？

Rõ ràng là ngắn hơn.

Ngữ pháp minna bài 20

2. Chuyển từ thể lịch sự sang thể thông thường(thể ngắn)

Mình sẽ dựa vào phần renshuu A để giải thích nhé. Các bạn xem bảng dưới đây.

THỂ LỊCH SỰ	THỂ THÔNG THƯỜNG	CÁCH CHUYỂN
書きます か	かく	Động từ thể ます chuyển sang thể る
書きません か	かかない	Phủ định của thể ます chuyển sang thể ない
書きました か	かいた	Quá khứ của động từ chuyển sang thể た
書きませんでした。 か	かかなかった。 か	Phủ định của quá khứ chuyển thành phủ định của thể ない
あります	ある	Giống như trên, Vます→Vる
ありません	ない	Cách chuyển đặc biệt, phải nhớ.
ありました。	あった	Quá khứ của động từ chuyển sang thể た
ありませんでした	なかった	Cách chuyển đặc biệt, phải nhớ.
Tính từ đuôi い		Chỉ cần bỏ です

THE LỊCH SỰ	THE THÔNG THƯỜNG	CÁCH CHUYỂN
おおきい です	おおきい	Tính từ đuôi い thì bỏ です
おおきくない です	おおきくない	Tính từ đuôi い ở dạng phủ định -> bỏ です
おおきかった です	おおきかった	Tính từ đuôi い ở quá khứ -> bỏ です
おおきくなかった です	おおきくなかった です	Tính từ đuôi い phủ định quá khứ -> bỏ です
Tính từ đuôi な		
きれい です	きれいだ	Thay です→だ
きれい じゃ ありません	きれい じゃ ない	Chia ありません->ない giống như bên trên
きれい でした	きれいだった	でした→だった
きれい じゃ ありませんで した	きれい じゃ なか った	ありませんでした→なかった giống như trên
Danh từ		Giống với tính từ đuôi な
あめ です	あめだ	Thay です→だ
あめ じゃ ありません	あめ じゃ ない	Chia ありません->ない giống như bên trên
あめ でした	あめだった	でした→だった
あめ じゃ ありませんでし た	あめ じゃ なかつ た	ありませんでした→なかった giống như trên

Như vậy có thể thấy:

– Để chuyển được động từ từ thể lịch sự sang thể thông thường thì cần phải nắm vững thể る、ない、た.

– Chuyển tính từ đuôi い trong các trường hợp thì chỉ cần bỏ です。

– Chuyển tính từ đuôi な và Danh từ thì giống nhau. Liên quan tới じゃ ありません。 thì chia ありません
vd: あめ じゃ ありません。→あめ じゃ ない(chia ありません->ない)

Một số cách chuyển khác

THE LỊCH SỰ	THE THÔNG THƯỜNG	CÁCH CHUYỂN
富士山に のぼりたい です。	富士山に ぼぼりたい。	Thể たい coi như tính từ đuôi いー> bỏ です。
大阪に すんでいます。	大阪に すんでいる。	いますー>いる
市役所に いかなければ なりません	市役所に いかなければ ならない	なりませんー>ならない
レポートをかかなくても いいです。	レポートをかかなくても いい	bỏ です (như tính từ đuôi い)
ドイツ語が できます。	ドイツ語が できる。	Chuyển động từ できます。 -> る。
ドイツへ いったことがありません。	ドイツへ いったことが ない	ありませんー>ない

Ngữ pháp minna bài 20

3. Cách dùng thể thông thường trong hội thoại- văn nói

- Như đã nói ở trên thể thông thường dùng trong giao tiếp thân mật với những người quen thân.
- Ngoài cách chuyển như trên thì cần có 1 số chú ý sau trong giao tiếp dùng thể thông thường.

3.1 Trong câu nghi vấn của thể thông thường chúng ta bỏ か ở cuối câu. Lên giọng ở cuối câu

- Câu nghi vấn của thể lịch sự chúng ta kết thúc bằng か. Nhưng trong câu thể thông thường chúng ta bỏ か đi.
- Một số ví dụ:
コーヒーを 飲む？ Bạn uống cà phê không? Thể lịch sự sẽ là: コーヒーを のみますか。
の
Lên giọng ở từ 飲む
ごはんを 食べた？ Bạn đã ăn cơm chưa? Bằng nghĩa với câu: ごはんを 食べましたか。
た
Lên giọng ở từ た

– Với câu trả lời thì lại xuống giọng 1 chút ở cuối câu. Ví dụ:

寿司を 食べに 行く？ Có đi ăn sushi không? Thể lịch sự sẽ là: すしを たべに いきますか。

すし た い

うん、行く。 ừ, đi. Lưu ý đọc hơi xuống giọng ở cuối câu.

い

ううん、いかない。 không, không đi.

Lưu ý: うん = はい dùng trong thể lịch sự

ううん = いいえ

3.2 Trong câu nghi vấn danh từ hoặc tính từ đuôi な thì だ -thể thông thường của です bị lược bỏ

– Như đã nói ở trên thì thể thông thường của です là だ đối với tính từ đuôi な và danh từ

– Trong câu hỏi chúng ta sẽ bỏ だ đi. Ví dụ:

今 ひま？ Bây giờ bạn có rảnh không? いま ひま ですか。

いま

– Lưu ý trong câu trả lời nếu だ có thể lược bỏ hoặc là không. Nếu không lược bỏ thì sẽ mang sắc thái quả quyết và thường thì con gái sẽ ít dùng.

ví dụ trả lời cho câu hỏi trên:

A:今 ひま？

B:うん、ひま/ひまだよ/ひまだ dùng với con trai

B:うん、ひま/ひまだよ dùng với con gái. con gái thì không dùng だ đứng 1 mình. だよ mang nghĩa nhẹ hơn.

– ví dụ khác

A:明日 休み？ Ngày mai bỏ có nghỉ không?

あした やすみ？

B(girl): うん、休み/休みだよ

B(boy): うん、休み/休みだよ/休みだ

3.3 Trợ từ có thể bị lược bỏ trong thể thông thường nếu lược bỏ nó vẫn rõ nghĩa

– Lưu ý là trước khi lược bỏ cần suy nghĩ xem lược bỏ thì câu đó còn rõ nghĩa không nhé

– Một số ví dụ

A:ごはん を 食べた。 → ごはん 食べた。 Tôi đã ăn cơm rồi = ごはんを 食べました。
た

Trường hợp này bỏ を đi người nghe vẫn hiểu rõ nghĩa. Và thực tế thể thông thường người ta rất hay bỏ trợ từ đi nếu có thể bỏ được.

学校 [へ] 一緒に 行かない? Câu này có thể bỏ trợ từ へ đi. 学校へ 一緒に 行きませんか。
がっこう いっしょに い

お金 [が] ある? Bỏ có tiền không? Câu này có thể bỏ が đi. お金が ありますか。
かね

– ví dụ trường hợp bỏ trợ từ đi thì người nghe sẽ không hiểu nghĩa:

明日 9時まで レポート[を] 出してね。 Cho tới 9h ngày mai hãy nộp báo cáo nhé
あした だ

Câu trên nếu bỏ まで thì câu sẽ thành :明日 9時 レポート[を] 出してね。

Người nghe sẽ không biết được rõ nghĩa vì có thể là:

9時に Đúng 9h

9時までに trước 9h

9時あと sau 9h

...

Nên trường hợp này không thể lược bỏ trợ từ được.

3.4 Có thể lược bỏ chữ い trong thể Vて[い]る

– Thể thông thường của V て います。 là Vている。

– Trong thể thông thường dùng cho văn nói (nhớ là dùng trong nói thôi nha) có thể bỏ い thành Vてる

– Một số ví dụ

A:何 して[い]る? Bỏ đang làm gì vậy.

なに

B: 本 読んで[い]る Đang đọc sách

ほん よん

A: Cさん 知って[い]る。 Bỏ biết thằng C không?

し

B: 知って[い]る。 Biết

– Vていない cũng có thể bỏ được い thành Vてない

いま なにも してない。 bây giờ tôi chẳng làm gì cả.

3.5 けど là thể thông thường của が

– Trong minna bài 8 chúng ta đã học が nói nghĩa ngược nhau trong 1 câu. ví dụ:

仕事は 忙しいですが、楽しいです。 Công việc thì bận nhưng mà vui.

しごと いそが たの

Câu này nhấn mạnh ý sau が tức là nhấn mạnh công việc vui hơn là bản.

Chúng ta có thể nói câu trên dưới dạng thể thông thường

仕事 忙しいけど、楽しい。

けど là thể thông thường của が

-Ngoài ra trong câu rủ rê mờ mờ chúng ta cũng dùng が để mở lời. ví dụ:

チケットが 2つありますが、一緒に 行きませんか。Tôi có 2 vé này, đi cùng tôi nhé.

いっしょ い

Chúng ta có thể nói câu trên dưới dạng thể thông thường

チケット 2つあるけど、一緒に 行かない。

IV. Văn hóa của người Nhật liên quan tới bài- Ngữ pháp minna bài 20

Ngữ pháp minna bài 20

1. Dùng thể thông thường trong cuộc sống

– Thể thông thường được dùng rất nhiều trong đời sống hàng ngày. Người Nhật dùng nhiều thể thông thường trong sinh hoạt gia đình. Gia đình toàn là những người thân thiết mà. Mặc dù trong gia đình có trên dưới nhưng nhìn chung vẫn là thân thiết.

– Thể thông thường được dùng nhiều với bạn bè. Bạn bè thì lại càng dùng nhiều hơn. Tự dưng đưa bạn thân nào đó mà dùng thể lịch sự với mình là y rằng nó đang giận mình, nếu không thì đầu óc có vấn đề.

– Thể thông thường hay còn gọi là thể ngắn. Ngắn tức là rút gọn đi, nói sao cho ngắn lại- đỡ mệt mà người nghe vẫn hiểu rõ nghĩa được. Quan sát thể thông thường đúng là ngắn đi nhiều thật. Lược bỏ được cái gì thì lược bỏ hết à. Như đã học trong phần ngữ pháp.Chuyển từ thể lịch sự sang thể thông thường đã lược bỏ nhiều rồi mà đến lúc nói vẫn muốn lược bỏ thêm(ví dụ bỏ い trong Vている, bỏ trợ từ, bỏ だ...)

Ngữ pháp minna bài 20

2. Thể lịch sự dùng trong cuộc sống

– Ngoài những người thân thiết nói trên thì chúng ta sẽ sử dụng thể lịch sự trong giao tiếp. Ví dụ tại công sở nói chuyện với sếp, đồng nghiệp. Trên trường thì nói chuyện với thầy cô. Với bạn bè mới quen. Gặp người lạ chẳng hạn.

– Đọc trong sách có thấy nói thể lịch sự có thể dùng trong mọi tình huống và rất an toàn. Đúng là như vậy, tuy nhiên việc sử dụng ngôn ngữ cần linh hoạt tùy vào tình huống. Người giỏi luôn biết lựa chọn chính xác ngôn từ cho từng tình huống.

V. Chia sẻ một chút về trải nghiệm của mình khi học minna bài 20

Ngữ pháp minna bài 20

– Không chỉ có minna bài 20 mà viết bất kỳ một bài nào mình cũng luôn hồi tưởng lại xem ngày trước mình học tới bài đó thì gặp khó khăn gì, không hiểu ở chỗ nào để có thể hướng dẫn các bạn học một cách tốt nhất.

– Còn về hồi tưởng khi học bài 20 này thì đúng là kinh hoàng. Cảm giác bài 20 là một trong những rào cản lớn nhất khi học 25 bài đầu trong cuốn minna. Như kiểu tu luyện võ công mà gặp khẩu quyết khó, thực hành mãi mà không được vậy. Vì để hiểu được bài này đòi hỏi phải nắm chắc được các bài trước đó. Chuyển động từ ở thể lịch sự sang thể thông thường thôi cũng đã phải nắm vững 3 thể cùng động từ: Vる、Vない、Vた. Chưa nói chuyển những cái khác, rồi lại còn lưu ý cách nói đối với thể thông thường như: bỏ か、bỏ だ、bỏ trợ từ, bỏ い trong Vている...hại não hết sức mà.

– Khó như vậy nên lời khuyên cho các bạn là cứ bình tĩnh mà học. Thấy yếu chỗ nào thì tranh thủ ôn lại. Xác định học bài này phải mất 2-3 lần thời gian học 1 bài minna bình thường. Vượt qua ải khó khăn này thì mới đi tiếp được. Cố gắng lên nhé. Không sợ cái gì khó, chỉ sợ lòng mình không chịu được khó thôi.

Xin hết Ngữ pháp minna bài 20. Chúc các bạn học tốt. Mong nhận được góp ý hoặc nhận xét của các bạn dưới mỗi bài.

Comments

comments